

Số: 2990 /TB-SYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh;

Sở Y tế thông báo về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe như sau:

1. Thông tin cơ sở công bố:

- Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh
- Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 037/SYT-GPHĐBV/CL1, cấp ngày 10/01/2023.

- Địa chỉ: Thôn 1, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ CKII. Trần Quang Trịnh - Giám đốc

- Điện thoại liên hệ: 0243.8181970

2. Phạm vi hướng dẫn thực hành: 16 chức danh

- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nội khoa
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nhi khoa
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Sản khoa
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Tai Mũi Họng
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Truyền Nhiễm
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu
- Y sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền
- Y sĩ với phạm vi hành nghề Y sỹ đa khoa
- Điều dưỡng với phạm vi hành nghề điều dưỡng

- Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm Y học
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh Y học

3. Danh sách người hướng dẫn thực hành: 152 người (*danh sách kèm theo*)

4. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không

5. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận tại một thời điểm: 340 người

6. Chi phí hướng dẫn thực hành:

- Đối với đối tượng thực hành là Bác sĩ: 21.600.000đ/khóa
- Đối với đối tượng thực hành là Y sĩ: 13.500.000đ/khóa
- Đối với đối tượng thực hành là Điều dưỡng; Hộ sinh; Kỹ thuật y xét nghiệm, Kỹ thuật y hình ảnh Y học: 9.000.000đ/khóa

7. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

- Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế Hà Nội và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

- Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

- Phối hợp với cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

- Xác nhận kết quả thực hành của người học thực hành;

- Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: Danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

Sở Y tế thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết.

*** Văn bản đính kèm:** Bản công bố số 461/BCB-BVML ngày 27/6/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh./.

Nơi nhận:

- BGĐ SYT (để b/cáo);
- BVĐK Mê Linh (để biết);
- Các phòng thuộc SYT (để p/hợp);
- Bộ phận 1 cửa - Sở Y tế;
- Văn phòng SYT (cổng thông tin điện tử);
- Lưu: VT, NVY_{CƯỜNG}.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đình Hưng

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BVĐK HUYỆN MÊ LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 461/BCB-BVML

Mê Linh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế Hà Nội

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 037/SYT-GPHĐBV/CL1, Cơ quan cấp: Sở Y tế Hà Nội cấp ngày 10/01/2023.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ CKII Trần Quang Trịnh – Giám đốc

Điện thoại liên hệ: 0243.8181790

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của chính phủ quy định một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nội khoa
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nhi khoa
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Sản khoa
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Tai Mũi Họng
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Truyền Nhiễm
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu
- Y sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền
- Y sĩ với phạm vi hành nghề Y sỹ đa khoa

- Điều dưỡng với phạm vi hành nghề điều dưỡng
- Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm Y học
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh Y học

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: 152 người (chi tiết phụ lục 1)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với các cơ sở thực hành khác: không hợp tác

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

STT	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa	7
2	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nội khoa	5
3	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	4
4	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nhi khoa	4
5	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Sản khoa	3
6	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	3
7	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt	2
8	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Tai Mũi Họng	2
9	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Truyền Nhiễm	3
10	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu	5
11	Y sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	1
12	Y sĩ với phạm vi hành nghề Y sỹ đa khoa	1
13	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề điều dưỡng	200
14	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh	40
15	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm Y học	40
16	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh Y học	20

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

STT	Đối tượng thực hành	Chi phí thực hành
1	Bác sĩ phạm vi hành nghề Y khoa	1.800.000d/ tháng/01 học viên x 12 tháng = 21.600.000d/01 học viên

2	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nội khoa	1.800.000đ/ tháng/01 học viên x 12 tháng = 21.600.000đ/01 học viên
3	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	1.800.000đ/ tháng/01 học viên x 12 tháng = 21.600.000đ/01 học viên
4	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nhi khoa	1.800.000đ/ tháng/01 học viên x 12 tháng = 21.600.000đ/01 học viên
5	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Sản khoa	1.800.000đ/ tháng/01 học viên x 12 tháng = 21.600.000đ/01 học viên
6	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	1.800.000đ/ tháng/01 học viên x 12 tháng = 21.600.000đ/01 học viên
7	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt	1.800.000đ/ tháng/01 học viên x 12 tháng = 21.600.000đ/01 học viên
8	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Tai Mũi Họng	1.800.000đ/ tháng/01 học viên x 12 tháng = 21.600.000đ/01 học viên
9	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Truyền Nhiễm	1.800.000đ/ tháng/01 học viên x 12 tháng = 21.600.000đ/01 học viên
10	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu	1.800.000đ/ tháng/01 học viên x 12 tháng = 21.600.000đ/01 học viên
11	Y sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	1.500.000đ/ tháng/01 học viên x 09 tháng = 13.500.000đ/01 học viên
12	Y sĩ với phạm vi hành nghề Y sĩ đa khoa	1.500.000đ/ tháng/01 học viên x 09 tháng = 13.500.000đ/01 học viên
13	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề điều dưỡng	1.500.000đ/ tháng/01 học viên x 06 tháng = 9.000.000đ/01 học viên
14	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh	1.500.000đ/ tháng/01 học viên x 06 tháng = 9.000.000đ/01 học viên

15	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm Y học	1.500.000đ/ tháng/01 học viên x 06 tháng = 9.000.000đ/01 học viên
16	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh Y học	1.500.000đ/ tháng/01 học viên x 06 tháng = 9.000.000đ/01 học viên

Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế Hà Nội xem xét, công bố đăng tải thông tin theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

(Có tài liệu gửi kèm theo bản công bố)

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- BGĐ BV (để biết);
- Các khoa, phòng BV;
- Lưu VT, KHTH, TCCB.



Trần Quang Trịnh

